

NGHỊ QUYẾT

**Quy định thực hiện vùng phát thải thấp trên địa bàn thành phố Hà Nội
(Thực hiện điểm a khoản 2 Điều 28 Luật Thủ đô số 39/2024/QH15)**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Thủ đô số 39/2024/QH15;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14;

Căn cứ Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ số 36/2024/QH15;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 06/2025/TT-BNNMT của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải xe ô tô tham gia giao thông đường bộ (QCVN 85:2025/BNNMT);

Căn cứ Quyết định số 2530/QĐ-TTg ngày 19 tháng 11 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt kế hoạch hành động quốc gia về khắc phục ô nhiễm và quản lý chất lượng môi trường không khí giai đoạn 2026-2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Xét Tờ trình số 431/TTr-UBND ngày 21 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc đề nghị ban hành Nghị quyết thay thế Nghị quyết số 47/2024/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân Thành phố quy định thực hiện vùng phát thải thấp trên địa bàn thành phố Hà Nội (thực hiện điểm a khoản 2 Điều 28 Luật Thủ đô số 39/2024/QH15); Báo cáo thẩm tra số 117/BC-BĐT ngày 24 tháng 11 năm 2025 của Ban Đô thị Hội đồng nhân dân Thành phố; Văn bản số 6266/UBND-NNMT ngày 25 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc tiếp thu, giải trình về nội dung thẩm tra Tờ trình, dự thảo Nghị quyết thay thế Nghị quyết số 47/2024/NQ-HĐND; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định thực hiện vùng phát thải thấp trên địa bàn thành phố Hà Nội (thực hiện điểm a khoản 2 Điều 28 Luật Thủ đô số 39/2024/QH15).

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định về tiêu chí, điều kiện, trình tự, thủ tục xác định vùng phát thải thấp; phạm vi vùng phát thải thấp và các biện pháp được áp dụng trong vùng theo lộ trình phù hợp trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Tổ chức, cá nhân sử dụng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ lưu thông trong vùng phát thải thấp.
2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền trong việc lập và thực hiện vùng phát thải thấp.
3. Tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị quyết này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Vùng phát thải thấp là khu vực được xác định để hạn chế các phương tiện giao thông gây ô nhiễm môi trường nhằm cải thiện chất lượng không khí.
2. Xe cơ giới sử dụng năng lượng sạch, năng lượng xanh, thân thiện môi trường được quy định tại khoản 3 Điều 9 Thông tư số 53/2024/TT-BGTVT của Bộ Giao thông vận tải quy định về phân loại phương tiện giao thông đường bộ và dấu hiệu nhận biết xe cơ giới sử dụng năng lượng sạch, năng lượng xanh, thân thiện môi trường:
“Xe cơ giới sử dụng năng lượng sạch, năng lượng xanh, thân thiện môi trường là xe cơ giới không phát thải trực tiếp các-bon khi vận hành (như xe thuần điện PEV hoặc BEV, xe điện dùng pin nhiên liệu thuần túy PFCEV hoặc FCEV, xe sử dụng nhiên liệu hy-đrô).”
3. Xe cơ giới thân thiện môi trường được quy định tại khoản 2 Điều 9 Thông tư số 53/2024/TT-BGTVT của Bộ Giao thông vận tải quy định về phân loại phương tiện giao thông đường bộ và dấu hiệu nhận biết xe cơ giới sử dụng năng lượng sạch, năng lượng xanh, thân thiện môi trường:

“Xe cơ giới thân thiện môi trường là xe cơ giới sử dụng năng lượng hoặc công nghệ giúp giảm phát thải các-bon trực tiếp khi vận hành so với xe cơ giới chỉ có động cơ sử dụng nhiên liệu xăng hoặc đi-ê-zen (như xe sử dụng nhiên liệu CNG, xe hybrid điện nhẹ MHEV, xe hybrid điện hoàn toàn FHEV hoặc SHEV, xe hybrid nạp điện ngoài PHEV);”.

4. Phương tiện giao thông sử dụng nhiên liệu hóa thạch là xe cơ giới chỉ có động cơ sử dụng nhiên liệu bằng xăng hoặc đi-ê-zen.

5. Mức phục vụ LOS (A, B, C, D, E, F) của đường phố được giải thích tại mục 6.4.2 của TCVN 13592:2022 Đường đô thị - Yêu cầu thiết kế:

“Mức phục vụ (LOS) là thước đo về chất lượng vận hành của dòng giao thông, mà người điều khiển phương tiện và hành khách nhận biết được. Mức phục vụ được chia làm 06 mức, theo thứ tự từ cao xuống thấp, được ký hiệu là A, B, C, D, E, F.”.

6. Khu vực đường Vành đai 1, gồm 09 phường: Hai Bà Trưng, Cửa Nam, Hoàn Kiếm, Ô Chợ Dừa, Văn Miếu – Quốc Tử Giám, Ba Đình, Giảng Võ, Ngọc Hà, Tây Hồ.

7. Khu vực đường Vành đai 2, gồm 14 phường: 09 phường thuộc khu vực đường vành đai 1 và các phường: Láng, Đống Đa, Kim Liên, Bạch Mai, Vĩnh Tuy.

8. Khu vực đường Vành đai 3, gồm 36 phường, xã: 14 phường thuộc khu vực đường Vành đai 2 và các xã, phường: Phú Thượng, Xuân Đình, Nghĩa Đô, Cầu Giấy, Yên Hòa, Thanh Xuân, Khương Đình, Định Công, Phương Liệt, Tương Mai, Hoàng Mai, Vĩnh Hưng, Long Biên, Phúc Lợi, Việt Hưng, Bồ Đề, Phù Đổng, Đông Anh, Thủ Lâm, Phúc Thịnh, Vĩnh Thanh, Nội Bài.

Chương II

TIÊU CHÍ, ĐIỀU KIỆN XÁC ĐỊNH VÙNG PHÁT THẢI THẤP

Điều 4. Tiêu chí xác định vùng phát thải thấp

1. Khu vực thuộc vùng bảo vệ nghiêm ngặt và vùng hạn chế phát thải được xác định tại Quy hoạch Thủ đô Hà Nội thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

2. Khu vực thường xuyên xảy ra ùn tắc giao thông từ mức độ D đến F theo TCVN 13592:2022 Đường đô thị - Yêu cầu thiết kế.

3. Khu vực có chỉ số chất lượng không khí (AQI) đánh giá trong tối thiểu một (01) năm gần nhất ở dưới mức trung bình theo số liệu các trạm quan trắc chuẩn của Quốc gia và Thành phố.

Điều 5. Điều kiện tổ chức vùng phát thải thấp

1. Khu vực được quy hoạch phát triển đô thị theo định hướng giao thông công cộng (TOD) hoặc khu vực có đủ điều kiện hạ tầng giao thông đường bộ để tổ chức giao thông phù hợp.
2. Có phương án giám sát, đánh giá về mức độ phát thải và quá trình giảm phát thải trong khu vực.
3. Có điều kiện đáp ứng các giải pháp chuyển đổi phương tiện giao thông phù hợp.

Chương III

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC XÁC ĐỊNH VÙNG PHÁT THẢI THẤP

Điều 6. Lập đề án vùng phát thải thấp

1. Căn cứ vào một trong các tiêu chí quy định tại Điều 4 và các điều kiện quy định tại Điều 5 Nghị quyết này, cơ quan quy định tại khoản 3 Điều này lập đề án để tổ chức thực hiện vùng phát thải thấp, bảo đảm phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.
2. Đề án vùng phát thải thấp bao gồm những nội dung chính sau đây:
 - a) Sự cần thiết tổ chức vùng phát thải thấp;
 - b) Hiện trạng chất lượng không khí; hiện trạng sở hữu, sử dụng phương tiện giao thông; hiện trạng hoạt động kinh doanh vận tải, mật độ giao thông trong khu vực;
 - c) Xác định phạm vi, ranh giới vùng phát thải thấp; Thiết lập mục tiêu, chỉ tiêu giảm phát thải;
 - d) Các biện pháp, giải pháp, phương án tổ chức giao thông trong vùng phát thải thấp và khu vực lân cận, lộ trình áp dụng vùng phát thải thấp trên cơ sở áp dụng các biện pháp, lộ trình quy định tại Chương IV Nghị quyết này;
 - đ) Nhu cầu kinh phí, bố trí nguồn lực để tổ chức thực hiện đề án;
 - e) Trách nhiệm tổ chức thực hiện;
 - g) Các nội dung khác có liên quan.
3. Cơ quan lập đề án vùng phát thải thấp, bao gồm:
 - a) Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng và UBND cấp xã lập đề án vùng phát thải thấp đối với các khu vực trong phạm vi từ đường Vành đai 3 trở vào;

b) Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức lập đề án vùng phát thải thấp đối với khu vực thuộc địa bàn cấp xã quản lý, trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản 3 Điều này.

Điều 7. Lấy ý kiến dự thảo đề án vùng phát thải thấp

1. Cơ quan lập đề án vùng phát thải thấp có trách nhiệm:

a) Đăng tải hồ sơ dự thảo đề án để lấy ý kiến trên cổng thông tin điện tử của Thành phố và của cơ quan mình; niêm yết công khai tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã nơi dự kiến triển khai vùng phát thải thấp trong thời hạn tối thiểu 10 ngày và thông báo cho Tổ dân phố được biết;

b) Tổ chức lấy ý kiến đối tượng chịu sự tác động trực tiếp; lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan, trong đó phải lấy ý kiến của Sở Nông nghiệp và Môi trường (đối với trường hợp Ủy ban nhân dân cấp xã lập đề án), Sở Tư pháp, Sở Tài chính, Sở Nội vụ, Sở Xây dựng, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Quy hoạch kiến trúc, Công an Thành phố, Ủy ban nhân dân cấp xã (trường hợp Sở Nông nghiệp và Môi trường lập đề án), Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã, các chuyên gia, nhà khoa học.

Nội dung lấy ý kiến bao gồm: Sự phù hợp với quy hoạch; Sự phù hợp của tiêu chí, điều kiện quy định tại Điều 4 và Điều 5; Sự phù hợp của việc xác định ranh giới vùng; Tính khả thi của các biện pháp, giải pháp và lộ trình áp dụng; Điều kiện bảo đảm về nguồn lực tài chính, nhân lực, hạ tầng giao thông đường bộ;

c) Tổ chức lấy ý kiến phản biện xã hội của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Hà Nội;

d) Tổng hợp, nghiên cứu tiếp thu, giải trình các ý kiến góp ý và hoàn thiện hồ sơ dự thảo văn bản.

2. Các cơ quan, tổ chức có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị góp ý kiến. Trường hợp không có phản hồi trong thời hạn quy định được coi là thống nhất với nội dung dự thảo.

3. Hồ sơ dự thảo để lấy ý kiến, phản biện xã hội gồm các tài liệu sau đây:

a) Dự thảo Tờ trình của Ủy ban nhân dân Thành phố;

b) Dự thảo đề án vùng phát thải thấp;

c) Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố thông qua đề án vùng phát thải thấp;

d) Các hồ sơ, tài liệu kỹ thuật và các tài liệu khác có liên quan.

Điều 8. Thông qua đề án vùng phát thải thấp

1. Cơ quan lập đề án có trách nhiệm hoàn thiện hồ sơ theo các ý kiến góp ý, đề nghị Ủy ban nhân dân Thành phố trình Hội đồng nhân dân Thành phố xem xét, thông qua.

Hồ sơ trình Ủy ban nhân dân Thành phố bao gồm các tài liệu quy định tại khoản 3 Điều 7 Nghị quyết này và bản tổng hợp ý kiến tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý, phản biện xã hội.

2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ khi nhận được hồ sơ của cơ quan lập đề án, Ủy ban nhân dân Thành phố gửi Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố để xem xét, giao các Ban của Hội đồng nhân dân Thành phố thực hiện thẩm tra theo quy định.

Hồ sơ trình thẩm tra bao gồm các tài liệu quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Hội đồng nhân dân Thành phố thông qua tại kỳ họp gần nhất đối với đề án vùng phát thải thấp (khi đủ điều kiện).

Điều 9. Công bố vùng phát thải thấp

Cơ quan lập đề án có trách nhiệm công bố về vùng phát thải thấp trên phương tiện thông tin đại chúng.

Chương IV

BIỆN PHÁP ÁP DỤNG TRONG VÙNG PHÁT THẢI THẤP VÀ LỘ TRÌNH THỰC HIỆN

Điều 10. Các biện pháp áp dụng trong vùng phát thải thấp

1. Biện pháp phát triển hạ tầng giao thông nhằm hỗ trợ cho chuyển đổi phương tiện, phát triển hệ thống giao thông công cộng:

a) Tổ chức phát triển vận tải hành khách công cộng và khuyến khích sử dụng các loại xe cơ giới quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 3 Nghị quyết này;

b) Rà soát, xác định các khu vực đủ điều kiện phát triển không gian đi bộ, đi xe đạp gắn với các khu vực danh lam thắng cảnh, khu vực bảo tồn, phát triển du lịch; Phát triển hệ thống dịch vụ xe đạp công cộng;

c) Rà soát, bố trí hợp lý các điểm dừng đỗ, điểm trung chuyển phục vụ kết nối giữa các loại hình vận tải hành khách công cộng, các điểm giao thông tĩnh với phương tiện giao thông cá nhân;

d) Phát triển hệ thống trạm tiếp năng lượng sạch công cộng, hạ tầng thu gom và xử lý pin xe điện sau thải bỏ, bảo đảm yêu cầu về an toàn phòng cháy, chữa cháy;

đ) Tăng cường công tác tổ chức giao thông và nâng cao hiệu quả cung cấp, chia sẻ thông tin giao thông phục vụ người dân và doanh nghiệp;

e) Xây dựng văn hóa giao thông, ý thức sử dụng phương tiện giao thông công cộng, hạn chế sử dụng phương tiện giao thông cá nhân.

2. Cho phép các phương tiện giao thông không phát sinh khí thải, xe cơ giới sử dụng năng lượng sạch, năng lượng xanh, thân thiện môi trường, xe ưu tiên và phương tiện giao thông có giấy phép lưu thông của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật được lưu thông trong vùng phát thải thấp.

3. Biện pháp tổ chức giao thông đối với xe cơ giới sử dụng nhiên liệu hóa thạch, xe cơ giới gây ô nhiễm môi trường:

a) Không thực hiện đầu tư mới và thực hiện đăng ký mới có kiểm soát các phương tiện sử dụng nhiên liệu hóa thạch khi thải bỏ phương tiện giao thông cũ đã hết hạn lưu thông, đặc biệt đối với các phương tiện thuộc sở hữu của cơ quan, tổ chức;

b) Cấm lưu thông các xe tải có khối lượng toàn bộ theo thiết kế xác định trong Giấy chứng nhận đăng kiểm xe trên 3.500 kg sử dụng nhiên liệu hóa thạch;

c) Đối với xe mô tô, xe gắn máy sử dụng nhiên liệu hóa thạch hoạt động kinh doanh trên nền tảng phần mềm ứng dụng hỗ trợ kết nối vận tải: Cấm lưu thông trong vùng phát thải thấp;

d) Đối với xe mô tô, xe gắn máy sử dụng nhiên liệu hóa thạch, trừ đối tượng quy định tại điểm c khoản này: Cấm lưu thông trong vùng phát thải thấp theo khung giờ/thời điểm quy định; Ngoài các khung giờ/thời điểm bị cấm, được lưu thông khi đáp ứng quy chuẩn khí thải theo lộ trình được Chính phủ hoặc Thành phố ban hành;

đ) Cấm xe ô tô sử dụng nhiên liệu hóa thạch không đáp ứng quy chuẩn khí thải mức 4 theo Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải xe ô tô tham gia giao thông đường bộ (QCVN 85:2025/BNMT) lưu thông trong vùng phát thải thấp theo khung giờ/ thời điểm quy định; Ngoài các khung giờ/thời điểm bị cấm, được lưu thông khi đáp ứng quy chuẩn khí thải theo lộ trình được Chính phủ hoặc Thành phố ban hành.

4. Các chính sách ưu đãi, hỗ trợ thực hiện vùng phát thải thấp được áp dụng theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố ban hành về chính sách, biện pháp, hỗ trợ chuyển đổi phương tiện giao thông sử dụng năng lượng sạch trên địa bàn thành phố Hà Nội.

5. Biện pháp giám sát và đánh giá hiệu quả thực hiện vùng phát thải thấp:

a) Thiết lập hệ thống giám sát: Giám sát phương tiện giao thông; Giám sát hành vi của người dân; Giám sát chất lượng không khí;

b) Xây dựng phương án quản lý, kiểm soát phương tiện ra vào khu vực vùng phát thải thấp thông qua các biện pháp: xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu kiểm định khí thải phương tiện giao thông, tổ chức kiểm định và kết nối dữ liệu; tổ chức giao thông, hệ thống camera giám sát, các quy định màu nền biển kiểm soát để nhận diện đối với xe cơ giới quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 3 Nghị quyết này, gắn mã QR tích hợp vào hệ thống đăng ký và thu phí giao thông điện tử (ETC);

c) Đồng bộ hạ tầng kỹ thuật với hệ thống camera an ninh, camera giám sát giao thông tích hợp ứng dụng công nghệ trí tuệ nhân tạo (AI);

d) Thiết lập đường dây nóng, tích hợp tiếp nhận tin báo vi phạm giao thông trên ứng dụng VNeID, iHanoi; kết nối dữ liệu với Công an Thành phố, Công an cấp xã để xử lý theo quy định;

đ) Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý phần mềm quản lý phương tiện, cơ sở dữ liệu dùng chung, kết nối với hệ thống đăng kiểm, cơ quan thuế và Công an các cấp;

e) Đầu tư lắp đặt các trạm đo, hệ thống camera nhận diện, cảm biến giám sát phương tiện và chất lượng không khí trong vùng phát thải thấp.

6. Tăng cường lực lượng tuần tra, áp dụng biện pháp xử lý vi phạm hành chính đối với xe cơ giới không đáp ứng yêu cầu tại khoản 2 và khoản 3 Điều này lưu thông trong vùng phát thải thấp theo quy định của pháp luật.

7. Tuyên truyền, nâng cao nhận thức của cộng đồng trong việc thực hiện vùng phát thải thấp.

8. Các biện pháp khác phù hợp với từng địa phương thực hiện vùng phát thải thấp.

9. Lộ trình thực hiện các biện pháp trong vùng phát thải thấp được quy định chi tiết tại đề án vùng phát thải thấp trình Hội đồng nhân dân Thành phố thông qua, bảo đảm phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

Điều 11. Lộ trình thực hiện vùng phát thải thấp

1. Trước ngày 01 tháng 01 năm 2030:

a) Kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2027: Thực hiện vùng phát thải thấp thí điểm tại một số khu vực trong Vành đai 1, thuộc các phường được quy định tại khoản 6 Điều 3 Nghị quyết này;

b) Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2028 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2029: Thực hiện vùng phát thải thấp tại Vành đai 1 và một số khu vực tại Vành đai 2 trở vào, thuộc các phường, xã được quy định tại khoản 7 Điều 3 Nghị quyết này;

c) Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2030: Thực hiện vùng phát thải thấp tại Vành đai 3 trở vào, thuộc các phường, xã được quy định tại khoản 8 Điều 3 Nghị quyết này;

d) Khuyến khích Ủy ban nhân dân cấp xã lập vùng phát thải thấp trên địa bàn quản lý, trừ các trường hợp quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này.

2. Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2031: Các khu vực trên địa bàn Thành phố có một trong các tiêu chí quy định tại Điều 4 Nghị quyết này phải thực hiện vùng phát thải thấp.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 12. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân Thành phố có trách nhiệm sau đây:

a) Tổ chức thực hiện Nghị quyết; Phân công, phân cấp cụ thể trách nhiệm của các sở, ban, ngành của Thành phố và Ủy ban nhân dân cấp xã để tổ chức thực hiện các biện pháp, lộ trình quy định tại Nghị quyết này;

b) Bảo đảm nguồn lực tài chính để triển khai thực hiện nghị quyết hiệu quả, khả thi;

c) Tổ chức thanh tra, kiểm tra các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã và cơ quan, tổ chức, cá nhân việc thực hiện Nghị quyết;

d) Tổ chức các hoạt động tuyên truyền, công khai rộng rãi nội dung của Nghị quyết và đề án vùng phát thải thấp nhằm phổ biến đến người dân để thực hiện có hiệu quả;

đ) Tổ chức đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết. Nếu có khó khăn vướng mắc, kịp thời báo cáo Hội đồng nhân dân Thành phố xem xét, giải quyết theo thẩm quyền hoặc ban hành sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế cho phù hợp với điều kiện của Thành phố.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố, các Ban của Hội đồng nhân dân Thành phố, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố, Hội đồng nhân dân cấp xã có trách nhiệm giám sát quá trình tổ chức thực hiện Nghị quyết.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp Thành phố phối hợp tuyên truyền, vận động và giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 13. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 10 tháng 12 năm 2025.

2. Nghị quyết số 47/2024/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân Thành phố quy định thực hiện vùng phát thải thấp trên địa bàn thành phố Hà Nội (thực hiện điểm a khoản 2 Điều 28 Luật Thủ đô) hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành.

3. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật viện dẫn tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật khác thì áp dụng quy định tại văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Nghị quyết đã được Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội khóa XVI, kỳ họp thứ 28 thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2025./. 

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ủy ban Công tác đại biểu của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Nông nghiệp và Môi trường, Xây dựng, Tài chính, Tư pháp, Khoa học và Công nghệ;
- Thường trực Thành ủy;
- Đoàn ĐBQH TP Hà Nội;
- Thường trực HĐND, UBND, UB MTTQVN TP;
- Các Ban Đảng của Thành ủy;
- Các Ban của HĐND TP;
- Đại biểu HĐND TP;
- Các VP: Thành ủy, Đoàn ĐBQH&HĐND TP, UBND TP;
- Các sở, ban, ngành TP;
- Thường trực HĐND, UBND các phường, xã;
- Trang TTĐT của Đoàn ĐBQH&HĐND TP;
- Trung tâm Truyền thông, Dữ liệu và Công nghệ số TP;
- Lưu: VT. 

CHỦ TỊCH



Phùng Thị Hồng Hà